

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH ĐẠI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08-03-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tháo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Mích.

Bà Phạm Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Phiên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 501/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu S, sinh năm 1989 (Vắng mặt do có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LS, xã LT, huyện BD, tỉnh BT.

- Bị đơn: Anh Đoàn Minh D, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp LS, xã LT, huyện BD, tỉnh BT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/10/2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Võ Thị Thu S trình bày:

Chị và anh D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thuận. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ đó vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Chị và anh D sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung là Đoàn Võ D T, sinh ngày 21/02/2008 và Đoàn Võ D K, sinh ngày 17/8/2014. Chị S yêu cầu nếu con chung đồng ý sống chung vs chị S thì chị S sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con, nếu con chung đồng ý sống chung với anh D thì anh D sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Đoàn Minh D vắng mặt nên không có lời trình bày.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Đối với Thẩm phán chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt, riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh D.

Về con chung: Có hai con chung là Đoàn Võ D T, sinh ngày 21/02/2008 và Đoàn Võ D K, sinh ngày 17/8/2014. Hiện nay hai cháu đang sống với chị S nên giao hai cháu Trinh và Khôi cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng và quyết định này phù hợp với nguyện vọng của cháu Trinh và cháu Khôi. Ghi nhận chị S nuôi con không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Chị Võ Thị Thu S vắng mặt do có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và anh Đoàn Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng không có lý do. Do đó, tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân: Chị Võ Thị Thu S và anh Đoàn Minh D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2007, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc Su đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân được chị S cho là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Từ đó vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Chị và anh D sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Từ lúc ly thân nhau cho đến nay mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm đến ai, Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để chị S và anh D đoàn tụ nhưng anh D vắng mặt, anh D có ý thức bỏ mặc hôn nhân giữa anh và chị S. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa chị S và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có hai con chung là Đoàn Võ D T, sinh ngày 21/02/2008 và Đoàn Võ D K, sinh ngày 17/8/2014. Hiện nay hai cháu đang sống với chị S nên giao hai cháu T và K cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng và quyết định này phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu K.

Ghi nhận chị S nuôi con không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung Su này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị S khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị S phải chịu án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thu S đối với anh Đoàn Minh D. Chị S được ly hôn với anh D.

Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh D chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao hai cháu Đoàn Võ D T, sinh ngày 21/02/2008 và Đoàn Võ D K, sinh ngày 17/8/2014 cho chị Võ Thị Thu S tiếp tục nuôi dưỡng và quyết định này phù hợp với nguyện vọng của cháu T và cháu K. Ghi nhận chị S nuôi con không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D Không trực tiếp nuôi con có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Trong thời gian con chung của chị S, anh D chưa tròn 18 tuổi thì anh D được quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, chị S có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị S khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị S khai không có, nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010225 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Vậy, án phí chị Võ Thị Thu S đã nộp đủ.

Chị S, anh D vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Lộc Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tháo

